SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO& DU LỊCH **THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/QĐ-TVT	*Lâm Đồng, ngày 02 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai quyết toán ngân sách năm 2018 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng.

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 60/TB-STC ngày 10/01/2018 của Sở Tài chính Lâm Đồng V/v Thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-VHTTDL ngày 12/01/2018 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng V/v Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho Thư viện tỉnh Lâm Đồng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2018 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng *(theo các biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Phòng Hành chính, Kế toán Thư viện tỉnh và các đơn vị chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu VT, KT.

GIÁM ĐỐC

HỒ THANH HÀ

Biểu số 5 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ- TVT ngày 02/04/2019 của Thư viện tỉnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thư viện tỉnh		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu				
I	Quyết toán thu	*180,9*	*180,9*		
A	Tổng số thu	*180,9*	*180,9*		
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	10,43	10,43		
	Phí Thư viện	10,43	10,43		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	36	36		
3	Thu sự nghiệp khác	134,53	134,53		
B	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	10,43	10,43		
	Chi phí trực tiếp	10,43	10,43		
	Trích 40% nộp CCTL				
	Trích 60% bổ sung hoạt động				
1.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	36	36		
	Chi phí trực tiếp				
	Trích 40% nộp CCTL	12,54	12,54		
	Trích 60% bổ sung hoạt động	18,81	18,81		
3	Hoạt động sự nghiệp khác	134,53	134,53		
	Chi phí trực tiếp	27,946	27,946		
	Trích 40% nộp CCTL	41,83	41,83		
	Trích 60% bổ sung hoạt động	63,95	63,95		
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	4,649	4,649		

3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	**3.495,9**	***3.495,9***		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.831,3	1.831,3		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.664,6	1.664,6		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	190	190		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	190	190		
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Hồ Thanh Hà

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ- TVT ngày 02/04/2019 của Thư viện tỉnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	**Quyết toán thu**	***180,9***	***180,9***			
A	Tổng số thu	*180,9*	*180,9*			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
	Phí Thư viện	10,43	10,43			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	36	36			
3	Thu sự nghiệp khác	134,53	134,53			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	180,9	180,9			
1	*Chi từ nguồn thu phí được để lại*	10,43	10,43			
	Chi phí trực tiếp	10,43	10,43			
	Trích 40% nộp CCTL					
	Trích 60% bổ sung hoạt động					
1.1	Chi sự nghiệp.....					
1.2	Chi quản lý hành chính					
2	*Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ*	36	36			
	Chi phí trực tiếp					
	Trích 40% nộp CCTL	12,54	12,54			
	Trích 60% bổ sung hoạt động	18,81	18,81			
3	*Hoạt động sự nghiệp khác*	134,53	134,53			
	Chi phí trực tiếp	27,946	27,946			
	Trích 40% nộp CCTL	41,83	41,83			
	Trích 60% bổ sung hoạt động	63,95	63,95			
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	4,649	4,649			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**3.495,9**	***3.495,9***	***1.440,3***	***1.664,6***	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.831,3	1.831,3	*1.440,3*		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.664,6	1.664,6		1.664,6	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	190	*190*			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc	*190*	190			
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Hồ Thanh Hà